

NHÂN VẬT NỮ GIỚI TRONG TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

Đặng Quốc Minh Dương

Trường Đại học Văn Hiến

Tóm tắt: Nhân vật nữ giới xuất hiện không nhiều trong truyện cười dân gian. Tuy ít nhưng rất tinh, rất đặc trưng và nhiều cung bậc, sắc thái khác nhau. Nhân vật nữ giới trong truyện cười dân gian thể hiện rõ nét qua ba chủ đề: cười chê những thói tật thông thường của nữ giới như ăn hàng, chanh chua, lười biếng; sự chủ động trong chuyện tình dục và tạo được uy lực trước chồng. Khác với các kiểu nhân vật khác, nhân vật nữ giới trong truyện cười dân gian mang tính hai mặt. Một mặt dân gian kể về những khiếm khuyết thông thường, nhưng mặt khác - quan trọng hơn, dân gian cũng ngầm ủng hộ nhân vật nữ giới vì những quyền lợi chính đáng và mang tính nhân văn về quyền bình đẳng nam - nữ, về quyền sống với những nhu cầu xác thịt. Qua đây, chúng ta thấy được tính tiên phong của truyện cười trong dòng chảy văn học. Nhóm truyện cười này cũng cho thấy cái nhìn độ lượng, ủng hộ của dân gian dành cho nhân vật vốn chịu nhiều bất công, thua thiệt trong xã hội phong kiến.

Từ khóa: Nhân vật nữ giới, thói tật, tính dục, truyện cười dân gian, ứng xử.

Ngày nhận bài 15.03.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 30.6.2024

Liên hệ tác giả: Đặng Quốc Minh Dương; Email: duongdqm@vhu.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Truyện cười dân gian là những truyện kể “xây dựng và phát hiện tình huống xung quanh các hiện tượng trái lẽ thường, trái tự nhiên được che đậy bằng một hình thức tốt đẹp giả tạo để tạo nên tiếng cười cho người đọc/người nghe” [1, tr.152]. Đây là thể loại văn học dân gian chứa đựng “cái hài, dùng tiếng cười làm phương tiện chủ yếu để thực hiện chức năng phê phán, châm biếm, đả kích cái xấu và mua vui giải trí” [2, tr.369]. Nhân vật chính của truyện cười, ngoài một số người dân thường trong các truyện mang tính chất hài hước, phần lớn là các nhân vật có địa vị, có tiếng nói trong xã hội như quan lại, thầy đồ, thầy chùa, nhân vật nhà giàu,... Nhìn chung, họ là những người nam giới, hiện lên với nhiều nét tính cách tiêu cực như ngu dốt, đăm mê sắc dục, tham lam,... Như vậy, đối tượng của tiếng cười chủ yếu là nam, là những người có chức vụ, địa vị. Trong thế giới *toàn trị của nam giới*, đây đó qua một số đề tài, chủ đề nhân vật nữ giới cũng xuất hiện, như là cách điểm xuyết vào bức tranh đa dạng của thế giới nhân vật nhiều màu sắc, làm thành phần của truyện cười.

Khảo sát truyện cười dân gian người Việt, cụ thể là bộ *Truyện cười dân gian người Việt* - 3 quyển, (Nguyễn Chí Bền chủ biên) và bộ *Kho tàng truyện cười Việt Nam* - 2 tập

(Vũ Ngọc Khánh chủ biên), chúng tôi thấy có ít nhất 65 truyện kể có sự xuất hiện của nhân vật nữ giới. Số lượng là không nhiều khi đặt trong tương quan với kho tàng truyện cười dân gian người Việt. Đặt trong cảm hứng chung của truyện cười dân gian, chúng ta thấy rằng kiểu nhân vật nữ giới hiện lên thật *khác lạ* với nhiều cung bậc khác nhau, đa chiều, đa diện. Bằng cách sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp so sánh - đối chiếu và phương pháp liên ngành, bài viết của chúng tôi sẽ khảo sát các truyện kể nêu trên để thấy nét khác lạ, sự đặc biệt của kiểu nhân vật này.

2. NỘI DUNG

2.1. Nhân vật nữ giới với những thói tật thông thường

Cổ nhân đúc kết rằng: “Nhân vô thập toàn”. Con người ta, dù ít hay nhiều đều có những phần chưa trọn vẹn, những thói hư tật xấu thông thường. Với nữ giới, thói tật được dân gian đề cập nhiều nhất trong truyện cười là chuyện *hay ăn quà vặt, ăn hàng, ăn vụng*.

Trong gia đình truyền thống người Việt, vợ là người nắm *tay hòm chìa khóa*. Vì là nắm tay hòm chìa khóa và cũng do “thiên tính nữ” nên một trong những thói quen hay gặp và cũng dễ cảm thông nhất ở người mẹ/người vợ là *thói quen ăn quà vặt, ăn hàng*. Tuy vậy, nếu vì quá mê ăn quà vặt, ăn hàng mà quên đi chồng con hay vì chuyện này mà bớt tiền thức ăn của chồng con thì đáng chê cười, cần phải điều chỉnh. Truyện *Ăn hàng quen thói* kể về “chị nọ có tật đi chợ ăn quà”. Khi được chồng sai đi chợ mua cá và củi, thấy cây sòi giữa mùa thay lá tưởng cây khô, thấy cá bơi dưới bãi lầy nên chị dùng tiền “mua quà hết”. Đến khi “bắt cá thì chúng chạy”; bẻ củi thì “lá sòi đang tươi” nên hết tiền mà không mua được gì, bị “chồng phang (đánh – ĐQMD chú) cho mấy gậy” [3, tr.54]. Truyện *Người vợ giỏi tính* kể: nhân giỗ bên ngoại, chồng bảo vợ lấy nếp gói chục cái bánh làm cỗ. Chị vợ “ngó đi ngó lại thèm quá, chảy nước miếng bèn suy tính cuối cùng bớt lại một cái”, rồi sau đó là “mười hai ta nhai còn mười một, mười một ta lột còn mười”... và rồi là “Hai ta nhai còn một, một ta lột ăn luôn” [4, tr.340-344]. Đúng là khi đã thèm khát, khi đã không kìm được tật mê ăn uống thì có vô vàn cái cớ để biện hộ, để lấp liếm cho hành động của mình. Truyện *Cái tội tham ăn* thì kể về cô gái “nết na, xinh đẹp” ở khu chợ Cầu ông “nhưng chỉ phải cái tội ham ăn. Ngồi trước cửa nhà, gánh hàng rong nào đi qua cũng đều ‘khó thoát’. Hết bánh cuốn qua bánh tôm chiên, vừa cắn xong miếng bánh in, trên tay đã có bánh chuối” [3, tr.224], tâm trí lúc nào cũng có chữ bánh. Chồng hỏi mua lớn hay nhỏ để chuẩn bị đi làm nhưng vợ thì trả lời mà miêu tả toàn thấy bánh “cọng mưa có sợi dài như bánh canh, sợi ngắn như bánh lọt (...) chỗ nước lên cao dây như bánh phồng, chỗ mỏng như bánh tráng vậy đó”. Không chừa được tật nên chị vợ đã bị anh chồng đánh! Thói tật ăn hàng, ăn quà vặt còn xuất hiện trong các truyện như *Thèm, Dạy vợ*,...

Thói tật thứ hai của nhân vật nữ giới là việc hay *ăn vụng*. Ăn vụng là ăn lén lút, không đàng hoàng. Bản chất hành vi ăn vụng thuộc về tác phong nhiều hơn là về đạo đức. Truyện *Để cho tao một cẳng* kể về chị vợ hay ăn vụng lại còn rất ngờ nghệch. Anh chồng đánh được chim cu, bảo vợ “nấu cháo thiết người bạn đến chơi”. Cháo sôi, chị vợ thấy con chim nổi lên chìm xuống nên cứ nghĩ “con chim cu nấu cháo đã hóa làm hai. Chị bèn vớt ra một con ăn vụng”. Đến khi thấy không còn con chim nào nữa, chị bèn nghĩ ra kế để chồng và bạn hiểu nhầm, rồi rượt đuổi nhau [3, tr.49]. Tưởng chị vợ này ngờ nghệch nhưng không ngu ngơ chút nào, trái lại rất cao mưu. Đúng là *vống đẹo khéo chữa!* Ngược lại với câu

chuyện này là truyện *Trứng ngọt*, kể về nàng dâu luộc rau muống, thấy ngọt nên khóc. Khi được mẹ chồng giải thích “Luộc bao giờ nó chả ngọt đi như thế”. Đến khi luộc trứng, người con dâu này cũng ăn hai quả. Khi được mẹ chồng hỏi, chị ta cũng ngu ngơ giải thích là “tại nó ngọt đi đầy mẹ ạ!” [5, tr.101-102]. Như vậy, ở đây có thể do trẻ người non dạ mà qua chuyện luộc trứng dân gian cho thấy suy nghĩ một cách máy móc, non tơ của cô, vừa cho thấy thói tật ăn vụng của nàng dâu.

Câu hỏi đặt ra là tại sao nữ giới hay ăn vụng, ăn vặt? Theo chúng tôi, hiện tượng này xuất phát từ thực tế cuộc sống ngày xưa. Việt Nam là đất nước của văn hóa nông nghiệp lúa nước. Để lao động hiệu quả, con người cần phải được ăn uống đầy đủ. Không những thế, do chiến tranh, do bất ổn xã hội và nhất là do thường xuyên phải chịu những thiên tai, lũ lụt cộng với năng suất lúa không cao nên người dân Việt thường xuyên phải đối mặt với tình trạng đói kém. Lịch sử đã ghi lại rất nhiều năm đất nước lâm vào cảnh đói to, mà đỉnh điểm là nạn đói năm 1945. Do vậy mà khi có cơ hội ăn là họ ăn, ăn để bù cho những ngày qua, cũng như là cách dự phòng cho những ngày sắp tới: “Các bữa cỗ làng không chỉ là dịp lễ lạt mà còn là một cơ hội quan trọng cải thiện chế độ ăn đạm bạc thường ngày và để có thêm protein” [6, tr.73]. Đàn ông thì còn có giỗ chạp, khao vọng, đình đám nơi đình làng để “tận hưởng”. Đàn bà thường chỉ quanh quẩn xó bếp, rất ít cơ hội để “bù đắp” cho cái bụng lúc nào cũng thiếu ăn. Hơn nữa, là nữ giới, họ bị dán nhãn bởi các đức tính hy sinh, chịu khó nên khi đói hay lúc no nữ giới thường nhường cho chồng con phần hơn. Lý tưởng là thế nhưng thực tế đôi khi lại rất... trần trụi, phũ phàng. Có lẽ chính vì không được ăn uống công khai nên có dịp là các nhân vật nữ cứ... ăn vụng, ăn vặt. Ngày nay, khoa học cũng đã chứng minh rằng phụ nữ thích ăn vặt vì dạ dày nhỏ hơn nam giới, lượng thức ăn hấp thu trong các bữa chính cũng ít hơn. Có thể, dân gian chưa nắm biết các kiến thức này, các lý do trên nhưng qua nội dung truyện, chúng ta vẫn thấy cái nhìn cảm thông của dân gian cho thói quen thông thường của nữ giới. Tuy nhẹ nhàng nhưng qua câu chuyện vui đùa, dân gian cũng có ý nhắc nhở, phê phán thói tật ăn vụng, ăn vặt cũng như hàm ý phê phán con người tránh những suy nghĩ máy móc, rập khuôn. Tiếng cười ở đây có ý nghĩa như bài học giáo dục nhẹ nhàng mà sâu sắc.

Bên cạnh chuyện ăn quà vặt, ăn hàng, dân gian cũng hay đề cập đến một số thói hư khác của nữ giới như *chanh chua*, *lười biếng*,... Về thói chanh chua xin dẫn chứng bằng truyện *Chanh chua*. Truyện kể về hai chị em dâu không hợp nhau. Người chị thì nhịn, người em thì được thể làm tới. Nhà chị có khách, người em đứng nói cạnh khéo rồi chửi bóng chửi gió để làm xấu mặt chị dâu. Đến chiều nhà người em có khách, người chị đưa sang cho em một gói nhỏ và nói: Nhà chị sắp tới đều cho khách, chị sợ em khát cổ, đem sang cho em một gói chanh [7, tr.393]. Nước chanh uống vào có tác dụng chữa chứng khát cổ. Chanh thì luôn chua. Chị dâu biểu em dâu gói chanh vừa cho thấy sự cư xử nhã nhặn, vừa là lời nhắc nhở em dâu về thói chanh... chua. Chanh chua được hiểu là kẻ lấm lời, nói lời chua ngoa. *Đa ngôn đa quá*, lấm lời thì thường nói sai cũng nhiều. Thông thường, thói tật này được gán cho phụ nữ. Một cuộc điều tra trên tổng số 1.280 người đàn ông ở Thượng Hải (Trung Quốc) với câu hỏi: Thói xấu nào của vợ mà anh khó chịu nhất? thì kết quả có 1.058 người trả lời: Nói nhiều [8]. Tỷ lệ 83%, rất áp đảo cũng cho thấy được thói tật này của nữ giới. Có lẽ chính vì sợ thói tật nói nhiều của các bà vợ mà thời phong kiến - thời

trọng nam khinh nữ, việc này đã được luật hóa thành quy định trong *thất xuất* (bảy có để bỏ vợ theo luật Hồng Đức, cũng như luật Gia Long), trong đó quy định: nếu vợ lảm lời thì chồng có quyền bỏ vợ!

Về thói tật *lười biếng* có truyện *Mượn một đĩa tôm* kể về mẹ chồng nàng dâu kia ăn riêng, ở riêng. Cô con dâu rất lười, mua tôm về nhưng không chịu rửa, vắt càng. Mẹ chồng sang mượn cô một đĩa tôm mà bà quơ được sạch trơn. Hôm sau bà trả tôm cho con dâu, nhưng cô gắp chỉ được vài con vì mẹ cô đã vắt rửa, càng sạch sẽ. Từ đó cô xin chừa tính lười biếng [9, tr.391]. Nho giáo yêu cầu người phụ nữ phải tuân giữ *tam tông, tứ đức*. *Tứ đức* là công, dung, ngôn, hạnh; là bốn đức tính mà người phụ nữ cần phấn đấu vươn tới và đạt được. Trong đó *công* được xếp lên hàng đầu, được hiểu là nữ công gia chánh, tức là người phụ nữ biết làm việc nhà, may vá, thêu thùa và chăm sóc, nuôi dạy con cái. *Hồng Đức thiện chính thư*, Điều 3 của chương *Hộ hôn* quy định “Làm vợ phải theo chồng, chăm chỉ việc nữ công gia chánh” [10, tr.438]. Như vậy, không chỉ là chuyện hàng ngày mà điều này cũng đã được luật hóa: Họ yêu cầu người nữ phải thực hiện các việc này một cách chăm chỉ, chu đáo. Việc nhân vật mẹ chồng đã khéo léo dạy cho nàng dâu một bài học rất ý nghĩa: rằng đã là phận dâu con, là nữ nhi thì phải chuyên chăm chuyện tề gia nội trợ.

Như vậy, dân gian đề cập đến một số thói hư thông thường của nữ giới như hay *ăn quạ*, *ăn hàng*, *ăn vụng* hay những tính cách khác như *chanh chua*, *lười biếng*. Đề cập những thói tật này, dân gian không có đả kích, châm biếm nữ giới nhưng có ý nhắc nhở họ biết soi mình mà điều chỉnh, để trở nên tốt đẹp và hoàn thiện hơn. Truyện cười về nữ giới do vậy mà cũng cho thấy cái nhìn độ lượng hơn của dân gian dành cho nhân vật này.

2.2. Nhân vật nữ giới trong quan hệ vợ chồng

Trong gia đình phong kiến ngày xưa, phụ nữ được xem là lớp người phải chịu nhiều khổ đau, bất công nhất. Khổ vì mất quyền yêu, khổ vì không có quyền thừa kế tài sản, khổ vì địa vị thấp kém trong gia đình ngoài xã hội,... Phan Kế Bính viết “Tục ta trọng nam khinh nữ, quyền người chồng bao giờ cũng nặng hơn quyền vợ (...) có người coi vợ như kẻ ăn người ở, nào là bắt phải sửa túi nâng khăn, nào là bắt cơm dâng nước tiến, nào là bẻ hành bẻ tỏi, nào là bắt nhật, bắt khoan” [11, tr.71]. Đào Duy Anh lý giải cụ thể hơn: “Theo luân lý tam cương ngũ thường thì đàn bà nào cũng phải tùy thuộc đàn ông... suốt đời là kẻ *vị thành nhân* phải dựa vào một người đàn ông làm chủ chốt, chứ không bao giờ được độc lập” [12, tr.120-121].

Trái với quy định phong kiến, trong nhiều truyện cười, các bà vợ được dân gian mô tả là những người có *uy lực*, thậm chí là kẻ gây ra *nổi khiếp đảm* cho các ông chồng. Họ được dân gian mô tả là những người *đanh đá*, thậm chí là *vũ... phụ*. Chẳng hạn truyện *Đuổi con lợn* kể về “Anh nọ lấy phải một cô vợ đáo đẽ” [13, tr.366]. Không chỉ là mắng chồng con, nhiều khi các bà vợ còn thượng cẳng tay hạ cẳng chân với chồng mình. Truyện *Giàn hoa lý sắp đổ* kể về thầy đề bị “vợ cào cấu cho sứt cả mặt”. Truyện *Chẳng phải tay ông* kể về anh chồng nọ bị vợ đánh “thâm tím mặt mày” chỉ vì quên lấy váy vợ, bị dính mưa. Truyện *Hai bên cùng nhằm* kể về bốn anh cùng sợ vợ, rủ nhau đi hát nhà trò đánh chén, nghe hát. Bà vợ nọ ần cửa vào thì ở trong tắt đèn, nắm tóc anh kia lôi ra. Chị ta mới ần đầu chồng xuống đất rồi đánh, đánh cho anh ấy một thôi một hồi, tối cả mặt mũi” đến khi nghe tiếng chị truy vấn thì cả hai mới biết bị... nhằm [9, tr.75-76]. Không chỉ bị đánh bằng tay, nhiều bà vợ còn

dùng cả chổi, cả đòn gánh, roi để đánh chồng như truyện *Đuổi con lợn* [13, tr.366]. Truyện *Nói tới khi, Bắt vợ phải quy*,... cũng kể về chuyện vợ lấy chổi đánh chồng. Truyện *Chọn một trong hai* kể về anh chồng nát rượu bị vợ đánh 100 roi. Như vậy, các truyện cười này cho thấy nạn “bạo hành” gia đình không chỉ có cảnh vũ phu mà còn có cả *cánh vũ... phụ!* Không chỉ sợ, không những bị vũ phụ, dân gian đã cường điệu đến mức mà anh chồng không dám lại gần vợ (*Sợ vợ đẽ*), sợ mà chết (*Sợ chết cứng*),...

Nhân vật bà vợ được dân gian đặc tả rõ nét nhất ở tính *cả ghen*. Chẳng hạn đó là truyện *Bà vợ thầy thuốc* kể về “người đàn bà ghen nổi tiếng” [7, tr.205] hay như truyện *Ấn mắt rồi cũng kể về Anh kia có “người vợ hay ghen, lại còn rước cô vợ lẽ nữa về”* [14, tr.205-206]. Tính cách ghen tuông này thể hiện rõ nhất ở những truyện kể về những anh chồng có vợ lẽ, có nàng hầu. Khi có vợ lẽ, chồng thường muốn gần vợ bé hơn, vì thực tế cho thấy “nam thường lấy nữ vợ hơn tuổi mình, khi chuyển sang trung niên, sự chênh lệch sẽ hiện ra, trong khi người đàn ông còn trẻ, người vợ đã về già” [15, tr.87]. Do vậy, dân gian cảm thông, xây dựng nhân vật vợ chính với ít nhiều quyền uy trong chuyện chăn gối. Các truyện kể đều cho rằng anh chồng muốn đến với vợ bé luôn phải vượt qua một “chướng ngại vật” là vợ chính, luôn là câu chuyện không hề dễ dàng. Truyện *Anh hai vợ* kể về màn mời chào, đối đáp của bộ ba này. Đây là lời mời của vợ bé: “*Đêm khuya, gió lộng sóng yên/Lái kia có muốn, ghé thuyền sang chơi*”. Anh chồng muốn sang với vợ bé nhưng bị vợ cả ôm giữ, mới đáp rằng: “*Muốn sang bên ấy cho vui/Mắc đồn lính gác khó xuôi được đờ*”. Nghe vậy, chị vợ cả liền hát: “*Sông kia ai cấm mà lo/Muốn xuôi thì nộp thuế đờ rồi xuôi*”. Cô vợ bé vội đáp: “*Chẳng buồn chẳng bán thì thôi/Qua đồn hết vốn còn xuôi nổi gì*” [7, tr.94-95]. Ngoài truyện kể này, còn có một số bản kể khác cùng cốt kể như *Hai vợ nằm chèo queo, Xiêu cái cột buồm, Nạp thuế, Chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng*,... Đại để các truyện này đều nói chuyện vợ cả yêu cầu chồng trước lúc đến với vợ lẽ thì phải “đóng thuế” cho vợ cả đã. Khổ nổi, chắc tuổi đã cao và sức người có hạn nên nếu “đóng thuế” cho vợ cả rồi thì: “*Vốn liếng đây nỏ có bao nhiêu/Ghé qua nộp thuế e xiêu cái cột buồm*” hay “*Thuyền anh có đáng giá chi mô/Em đòi nộp thuế e xiêu cái cột buồm*”. Ghen tuông là chuyện bao đời nay, nhất là đối với cánh chị em, bởi “*Ớt nào mà ớt chẳng cay/Gái nào mà gái chẳng hay ghen chồng*”. Tuy vậy, cái ghen này cộng với sự đánh đá và uy lực đã khiến cho nhiều ông chồng phải trải qua bao phen khiếp đảm. Qua các truyện kể này, dân gian cũng cho thấy uy lực của người vợ cả. Cũng qua các câu chuyện này, dân gian gửi gắm thông điệp kín đáo của mình về việc phản đối hủ tục đa thê.

Truyện cười dân gian người Việt có một đề tài khá thú vị, là kể về những anh chồng *sợ vợ*. Nhân vật ông chồng tuy thuộc nhiều thành phần khác nhau từ dân thường đến quan lại nhưng đều có mẫu số chung là... *sợ vợ*. Ở đây, *như mặc định*, dân gian cho rằng đã là vợ thì phải lăm lờ, nhiều chuyện và uy lực; đã là vợ thì chồng phải... *sợ!* Sợ đến mức mà “*Vợ nó quát tháo thế nào, anh ta cũng ngậm miệng, không dám cãi nửa câu*” (*Người ta sợ thì để người ta sợ chứ*). Không chỉ là chuyện *cá biệt* mà xem chừng *sợ vợ* đang là chuyện của mọi nhà, mọi đức lang quân. Truyện *Chẳng phải tay ông* kể về hai anh láng giềng chơi thân với nhau cùng nức tiếng... *sợ vợ*. Anh nọ quên lấy váy vợ, bị dính mưa nên bị vợ chửi cho một trận, lại còn đánh thâm tím mặt mày. Ông bạn láng giềng thấy thế, lăm bằm trong miệng “*Mẹ kiếp! Chẳng phải tay ông!*” thì vợ nghe được và truy vấn “*Hứ! Phải tay ông thì làm cái*

gi? Nào! Làm cái gì? Nói ngay đi! Anh chồng hoảng hốt: “Phải tay tôi thì... tôi cắt trước khi trời mưa, chứ có gì mà ồn lên thế!”. Khi những anh chồng sợ vợ “liên minh” lại mới thấy sự đông đúc, đa dạng của sự “hợp quần” này. Họ là năm bảy, mười người vói đủ thành phần khác nhau nhưng có *mẫu số chung là sợ vợ*. Trường hợp này xuất hiện trong các truyện như *Sợ vợ mật*, *Sợ chết cứng*, *Kết bạn thiếu một người*,... Không chỉ là chuyện của dân thường, ngay cả những quan phụ mẫu, đứng trước người dân thì hét ra lửa nhưng khi về với vợ thì cũng khép nép, khiếp đảm, như trong các truyện *Giàn hoa lý sắp đổ*, *Diệu kế*, *Khìn khịt thềm thớt với xôi*,... Khi kể các câu chuyện này dân gian đã cường điệu, đã phóng đại về nỗi sợ của các ông chồng và chúng ta cũng không ai tin hoàn toàn vào những truyện kể trên. Bởi theo *Quốc triều hình luật* quy định: Hình phạt cho người vợ đánh chồng là phạm vào loại *tội ác không thể tha thứ* và phải chịu tội đi đày đến một châu xa. Song qua đó cũng phần nào cho thấy có một bộ phận khá nhiều bà vợ có uy lực trước chồng con. Nguyễn Việt Hùng có lý khi cho rằng câu chuyện này phản ánh ý thức nữ quyền, “nhằm đề cao người phụ nữ, cho thấy những bộ mặt nhếch nhác của người đàn ông” [1, tr.159]. Nguyễn Thị Bích Hà lý giải kỹ hơn, rằng nhóm truyện về chủ đề sợ vợ là để “khẳng định vai trò thực của người phụ nữ. Trong truyền thống, phụ nữ Việt Nam có vai trò rất lớn cả ở gia đình và xã hội, vì vậy dù xã hội phong kiến ra sức phủ nhận người phụ nữ, cột họ vào địa vị phụ thuộc “tam tòng” thì cả ở thực tế và trong tình cảm, họ vẫn có vị trí không nhỏ trong lòng người đàn ông, họ phải được kính trọng (...) Tiếng cười những người sợ vợ vì vậy có ý nghĩa độc đáo, nó góp vào chủ đề chống nam quyền trong văn học dân gian một giọng điệu đặc sắc. Cùng với ca dao, tục ngữ, truyện cười đã mang ý nghĩa khẳng định vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội” [16, tr.112-113]. Bên cạnh mục đích đề cao nữ quyền, hiện tượng sợ vợ trong truyện cười dân gian người Việt có thể xuất phát từ những lý do từ lịch sử - xã hội, văn hóa như người vợ, người phụ nữ ở Việt Nam thật sự có nhiều đóng góp cho xã hội, cho gia đình, cho chồng trong cuộc sống cả thời bình lẫn thời chiến. Charles Gosselin - một sĩ quan người Pháp từng sống nhiều năm ở Việt Nam, am hiểu lịch sử và văn hóa người Việt. Ông là tác giả cuốn *Đế quốc Annam*. Trong chương IV, khi viết về người phụ nữ, ông cho rằng họ là người “cần cù, chịu khó, đầy nghị lực khi họ đảm đương việc nuôi nấng gia đình (...) Ngay sau khi đã có gia đình, những đức tính trong việc tề gia nội trợ của họ đã làm mọi người đều phải kính nể” [17, tr.324]. Chính việc họ có công, lập công cũng đã chiếm được cảm tình, sự mến trọng từ chồng cũng như gia đình chồng. Ở đây cũng không loại trừ khả năng các tư tưởng Nho giáo thực sự chưa thâm nhập vào đời sống của những dân thường - vốn không biết chữ, chủ yếu sống trong lũy tre làng. Các truyện cười này cũng cho thấy được sự thoái trào của chính quyền phong kiến cũng như những giá trị mà Nho giáo vốn được xem là hệ tư tưởng của các triều đại này. Cuối cùng, các truyện kể này cũng ít nhiều cho thấy dấu ấn văn hóa mẫu hệ - một *mẫu gốc* của Việt Nam cũng như các nước trong khu vực Đông Nam Á.

2.3. Nhân vật nữ giới với chuyện tính dục

Tính dục là nhu cầu chính đáng của con người. Theo Tổ chức Y tế Thế giới, tính dục bao gồm “dục tính, giới tính, nhận dạng và vai trò giới, khuynh hướng tình dục, sự luyến ái, khoái lạc, quan hệ riêng tư và sự sinh sản. Tính dục được trải nghiệm và thể hiện thông qua suy nghĩ, tưởng tượng, ham muốn, quan niệm, thái độ, giá trị, hành vi, thực hành, vai trò và các mối quan hệ (...) Tính dục chịu ảnh hưởng của sự tương tác giữa các yếu tố sinh học,

tâm lí, xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa, đạo đức, luật pháp, lịch sử, tín ngưỡng và tinh thần” [18, tr.12]. Việt Nam chịu ảnh hưởng của Nho giáo, trong quan niệm tính dục họ tuân giữ nghiêm ngặt nguyên lí “nam nữ thụ thụ bất thân”, được thể hiện khá rõ nét qua sách vở, điển chế như *Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức)*, *Thiên Nam dư hạ tập*, *Hồng Đức thiện chính thư*, *Quốc triều chiếu lệnh thiên chính*,... đến *Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long)*. Trong quan niệm của Nho giáo thì việc dựng vợ gả chồng để sinh con nối dõi tông đường được xem là một nhiệm vụ, trong đó tính dục cũng chỉ được xem như một công cụ, một phương tiện. Trong tương quan về giới, người nữ luôn là kẻ *bị động*, là *nạn nhân*, không được quyền thụ hưởng thú vui ân ái vợ chồng. Nói chung, đây là thể giới *duy dương vật* (phallocentrism).

Thực tế là vậy, quy định là thế nhưng trong truyện cười dân gian, chúng tôi nhận thấy rằng dân gian có những cách thể hiện suy nghĩ, quan niệm về tính dục khá *phóng khoáng*, thậm chí là *nổi loạn*. Chẳng hạn, truyện *Ăn một nơi, ngủ một nơi* kể về cô gái nọ, khi được mẹ thông tin có hai nơi hỏi cưới: anh nhà giàu mà xấu ở xóm trên và anh nghèo mà đẹp trai ở xóm dưới. “Mày ưng nơi nào?”. Cô gái trả lời: Ưng cả hai - Ban ngày ăn ở nhà xóm trên, đêm thì ngủ nhà xóm dưới [7, tr.125]. Câu chuyện vui nhưng cũng cho thấy xu hướng lựa chọn bạn đời theo hướng hưởng thụ để ăn sung mặc sướng và có chồng đẹp mã! Còn trong truyện *Đằng trước hay đằng sau* kể về người vợ sau khi ăn quà hết tiền, sợ chồng đánh nên đổ anh kia “Cái ấy của tôi ở đằng trước hay đằng sau?”. Anh kia đoán là đằng trước. Chị kéo anh đến chỗ vắng, rồi “kéo mần lên, cúi khom người xuống tận đất” cho anh kia xem. Anh đó thua tiền, phải giao quan tiền [13, tr.284]. Đúng là chị vợ này liều lĩnh, quái đản thật. Không chỉ là chuyện ngắm nhìn, người đàn bà trong truyện *Giá được như... của bác* còn liều lĩnh hơn nữa - sờ cả... dương vật. Truyện kể về chị nọ đi mua lợn giống, chẳng may bị xô ra. May có anh đánh dậm bắt hộ. “Hiềm một nỗi, anh ta chỉ túm được con lợn có một tay, con tay kia bịt che cái của quý của mình nên loay hoay mãi mà không sao trói lợn được. Bí quá, chị này mách nước: “Bác cứ để tôi che hộ cái của bác (...) Thế là chị hất tay của anh đánh dậm ra, thế tay của mình che giúp. Lạ thay, tay chị vừa chạm vào, thì cái của anh chàng cứng vồng hẳn lên. Chị nọ nhanh nhẩu nói với người đánh dậm: Ôi, giá mà con giống của tôi lớn nhanh như con giống của bác thì sướng nhất trần đời” [9, tr.35]. Chị này không những không tuân thủ nguyên tắc của lễ giáo phong kiến là “bất tương thân”, mà lại còn có những đề xuất táo bạo, hành động phá cách làm người nghe, người đọc bất ngờ và thú vị. Điểm chung trong các truyện kể trên là nhân vật nữ là người *chủ động* trong việc lựa chọn, trong việc đụng chạm, sờ nắn - điều mà lễ giáo phong kiến vốn nghiêm cấm. Chính điều này tạo nên sự bất ngờ và thú vị cho người đọc, người nghe và qua đó tạo nên tiếng cười giòn giã.

Không dừng lại ở chuyện bên lề, trong một số truyện, dân gian còn đi sâu hơn kể về những *sinh hoạt chăn gối, chuyện vợ chồng*. Truyện *Ăn quen bén mùi* kể về chị nọ sang nhà ông lão góa vợ, xin lửa. Chị này vô tình đánh rắm thì bị ông lão hù dọa để đòi được quan hệ tính dục. Hôm sau, quen mùi, chị lại sang thổi lửa, chủ động báo ông “hôm nay cháu đánh rắm đấy”. Ông lão nằm lắc đầu: “Đến mày ỉa ra bép, ông cũng chịu” [7, tr.133]. Như vậy, lần đầu thì có thể gọi là bị *cưỡng dâm, hiếp dâm* nhưng lần sau thì như tên gọi của truyện là *ăn quen bén mùi*, chị lại *chủ động gợi ý* để được thực hiện hành vi tính giao. Truyện *Bào vưa của ngấn* kể về cô gái con bác thợ mộc mới lấy chồng, người cha hỏi tình hình thì được biết: “Đau lắm, cái ấy của anh ấy to quá cha ạ! Ông bố đáp “Được, để tao đem bào đục sửa

lại cho” - giả vờ mang đục đến để sửa. Một tuần sau, con gái cảm nhận “Bào thì vừa (vừa) nhưng cưa thì có ngắn đi tí cha ạ” [7, tr.225]. Truyện này ít nhiều có liên quan đến truyện *Giày chẹt*, kể về chuyện vợ may đôi giày cho chồng mà chẹt, không vừa. Chồng nổi đóa: “Cái đáng chẹt thì không chẹt. Nó lại chẹt giày! Con vợ đáp: Cái đáng to thì lại không to, nó lại to căng!” [9, tr.40]. Các truyện cho thấy tiêu chuẩn, mong ước của nhân vật nữ giới về sinh thực nam. Truyện *Bớt cơm trưa* kể về việc lựa chọn nơi quan hệ tính giao. Truyện kể về chị nọ đưa cơm trưa cho chồng, rồi hai vợ chồng làm tình trên lớp đất mới vỡ. Chi tiết này cho thấy dấu ấn của tín ngưỡng phồn thực, khi dân gian tin rằng việc thị phạm hành vi tính giao thì việc trồng trọt mới được bội thu. Chị bạn kể làm tình trên ghe thú vị hơn, vì có giương, chiếu. Nghe theo bạn, hôm sau chị đưa cơm ra cho chồng bằng ghe. Khi anh chồng bước xuống ghe sơ ý té, cơm nước đổ tung tóe, anh liền tát vợ mấy cái. Sau gặp bạn chị rầu rĩ: *Không giương, không chiếu mà bui (Phương ngữ Quảng Trị, nghĩa là vui) / Có giương, có chiếu mà tui bị đòn* [7, tr.301]. Như vậy, ngoài việc quan hệ ở chốn phòng the - truyền thống, nhiều chị em cũng cho thấy ý tưởng thi thoảng đổi gió, tạo cảm giác mới lạ trong chuyện chăn gối. Rõ ràng, dân gian đã sớm nhận thấy những quy định của lễ giáo phong kiến là hà khắc, bất bình đẳng, vô nhân đạo. Do vậy, họ đã dùng *tính lưỡng trị* của tiếng cười - nửa đùa nửa thật để đấu tranh loại bỏ những bất cập này.

Không chỉ là việc chủ động, đi bước trước trong chuyện tình dục, đây đó nhân vật nữ còn thể hiện những *quan điểm, cảm giác, cảm nhận* của mình. Đó là những cảm giác thăng hoa khi đạt khoái cảm. Truyện *Nước mắt vu quy* kể: bà mẹ nọ nhiều lần ngăn cản con lấy chồng. Một tuần sau ngày lấy chồng, khi hỏi tình hình - cảm nhận thì người con gái “không trả lời; chỉ tẩm tức khóc. Một lúc sau, nàng òa khóc nức nở. Bà mẹ hoảng kinh, dỗ mãi không nín, một lúc sau mới nghe con hờn dỗi nói: “Mẹ ác lắm! Lấy chồng sướng rứa mà cứ ngăn cản con không cho lấy chồng! Biết vậy con lấy chồng sớm thì sướng biết mấy” [3, tr.111]. Cũng tương tự là chuyện *Chữ gì?* kể về hai vợ chồng mới cưới, chồng chỉ vợ chữ song hỷ để đồ. Vợ đáp song hỷ, tam hỷ, tứ hỷ đều bị chồng cho là sai, rồi đưa đáp án là chữ “ngũ hỷ”. Sáng mai thức dậy, vợ tủm tỉm cười nói với chồng: “Anh ơi! Em biết rồi, đó là chữ... “sướng hỷ”! [19, tr.93]. Xưa nay, tính dục được xem là chuyện cấm kỵ, cả trong văn học lẫn ngoài đời. Với nữ giới thì điều này càng bị “quản thúc”. Tuy vậy, qua những câu chuyện này, mượn tiếng cười bông đùa, dân gian để cho nhân vật nữ giới được thốt lên những cảm giác rất thực và cũng rất đời, vừa vui mà cũng vừa thật. Có thể xem *cảm nhận* này như là cột mốc quan trọng trong văn hóa tính dục, trong văn học nữ quyền. Và đây là truyện *Bớt gạo đi dì mi ạ!*, kể về một ông hai vợ. Mỗi lần muốn ngủ với vợ hai, liền bị vợ cả “E hèm”. Lâu ngày được bữa, vợ hai sướng quá: Trời ơi, ri thì tôi chết mất! Sau đó, anh ta sang với vợ cả. Sức còn đâu nữa, anh ta nằm thẳng ngủ say. Vợ cả lay gọi thế nào cũng không tỉnh, bực tức nói: “Như ông thợ đục đá!”. Sáng, vợ hai nấu cơm, vợ cả nói vọng ra: “Bớt gạo đi dì mi ạ, tối qua có người chết! Vợ lẽ: “Không phải bớt chị ơi, có thêm ông thợ đục đá!” [7, tr.305]. Lắng nghe những cảm giác trên, một mặt chúng ta mừng vì nhân vật nữ được sống trọn vẹn với những ham muốn xác thịt - trần thế của mình, mặt khác chúng ta cũng cảm thấy tiếc nuối, buồn thương vì đã lâu lắm, cũng như phần lớn người nữ không được nếm trải những cảm xúc thăng hoa rất người này. Việc xuất hiện khá nhiều truyện cười về chủ đề tính dục, trong đó nữ giới là nhân vật chủ động là một việc lạ lùng. Từ góc nhìn *Phân tâm học*, có thể lý giải cho hiện tượng này là do bị dồn nén, bị ức chế kéo dài, luôn bị xem như là kẻ *bị động* trong chuyện tính dục nên rất có thể nữ giới đã sáng tạo những câu chuyện về chủ đề tính dục, như là cách tuyên chiến với thế giới *duy dương vật*

(phallocentrism), là sự thể hiện sự giải phóng khỏi những ản ức, sự thăng hoa của mình. Theo Đỗ Lai Thúy thì hiện tượng dâm tục trong truyện tiểu lâm như là “phương tiện để giải tỏa ‘ản ức’ tình dục của người nông dân, bởi vì họ phải sống trong một môi trường nhiều cấm đoán của nho giáo, bởi họ không đủ tiền bạc và uy thế để hưởng cảnh năm thê bảy thiếp, hoặc phải chịu cảnh ‘kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lòng. Họ nói dâm, nói tục cho sướng ‘cái lỗ mồm’” [20, tr.18].

Lễ giáo phong kiến vẫn cho rằng “trao năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng”. Theo đó thì người nam nhiều vợ, lắm thê thiếp hay ngoại tình là chuyện bình thường; còn người vợ thì tuyệt đối không được vi phạm nguyên tắc này. Một số truyện cười, dân gian kể về người vợ ngoại tình. Chẳng hạn, truyện *Đứng mãi nó mới kể về anh lính hay ghen*. Khi đi xa, anh đánh dấu vợ bằng cách vẽ lên đùi vợ một người lính bông súng. Vợ với nhân tình ở nhà hú hí, rồi vẽ lại hình mới. Anh chồng về hỏi sao khi đi người lính bông súng bên trái mà sao giờ lại bông súng bên phải. Người vợ đáp: “Vác bên trái mãi nó mới nên phải đổi vai” [13, tr.372]. Còn truyện *Được cả đơn lẫn kép* kể về bà vợ nọ, phải lòng anh hàng xóm. Một hôm đang hú hí với nhân ngãi thì anh chồng về. Chị liền giả vờ đau bụng nhờ chồng dẫn ra sau đi vệ sinh để nhân ngãi chạy về [13, tr.374]. Đứng là ăn vụng rồi còn khéo chùi mép. Rõ ràng, chúng ta ủng hộ những quyền chính đáng có thể đem lại hạnh phúc cho con người. Ngoại tình là điều trái với chuẩn mực của xã hội Việt Nam thời phong kiến cũng như ngày nay, cần lên án. Tuy vậy, đặt trong sự bất công của xã hội phong kiến thì ta mới thấy được rằng câu chuyện phụ nữ ngoại tình này mang *tính giễu nhại* này là một cách *phản ứng* chống lại sự bất công của xã hội ấy.

Việt Nam là đất nước thường xuyên phải đối mặt với chiến tranh, hết chiến tranh chống xâm lược đến các cuộc nội chiến triền miên. Do vậy, không lạ gì khi đất nước này có rất nhiều người phải sống trong cảnh *góa bụa*. Khi chồng còn sống thì phải “tòng phu” đã đành, thậm chí ngày cả khi chồng mất rồi, lễ giáo phong kiến cũng muốn giết luôn cả tuổi xuân tươi trẻ của người vợ góa. Họ cao rao những góa phụ trung trinh thờ chồng để nhận bằng vàng *tiết hạnh khả phong*. Thời vua Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông, Lê Thánh Tông việc nêu khen, biểu dương những tấm gương hiếu đễ, tiết nghĩa được coi trọng. Triều đình ban chiếu lệnh: Nếu có những người liệt nữ, giữ tiết hạnh thờ chồng đều phải tâu báo kịp thời để nêu khen. Thời nhà Nguyễn, dưới thời Tự Đức, năm 1848, triều đình bắt đầu định niên hạn cho những đàn bà thủ tiết: “Tiết phụ nào từ 25 tuổi trở xuống, góa chồng sớm mà giữ tiết, thì mới được ghi vào sách tâu lên; từ 26 tuổi trở lên, thì không chuẩn cho làm danh sách tâu lên nữa, để có định lệ”. Dưới thời Nguyễn, hệ thống nhân vật có liên quan đến vấn đề trinh thảo (trinh nữ, tiết phụ, liệt nữ) thường được gọi chung là “tiết phụ”. Nhận thấy sự bất nhân của nếp sống trên, dân gian *phản phong* bằng tiếng cười nửa đùa, nửa thật. Truyện *Đưa ma chồng* kể về bà nọ đang đưa tang chồng. Thấy hai con chó “đang làm trò sinh lý” mà chó cái quá thấp, bà ta vừa khóc vừa nói: “Hạ xuống, hạ đàn sau xuống”. Mấy người khiêng quan tài tưởng nhắc mình, hạ phía sau xuống cho cân. Nhưng rồi lại nghe bà ta cũng vừa khóc vừa nói: “Hắn trật rồi tề! Hắn trật rồi tề”. Mấy người kia lập tức hạ xuống làm linh cữu bị nghiêng đổ [13, tr.370]. Việc tang lễ cho chồng chưa xong mà lòng trí của người vợ đã tư tưởng chuyện gới chẵn rồi. Còn đây cũng là chuyện bà góa còn tang chồng. Truyện *Tình tang* kể về bà góa chồng ở cạnh hàng xóm chưa vợ tên Tình. Một đêm anh hàng xóm lên vào buồng để nghiêng bà xuống. Bà này vừa chống cự vừa kêu: “Tình ơi tao vẫn còn tang”. Anh kia cứ làm liều. Bà chỉ còn kêu được: “Tình ơi, tang ơi! Tình ơi, tang ơi!”. Và

cuối cùng thì thấy bà kêu như gậy đàn: “Tình tang... Tình là... là tình tang... tính” [9, tr.82]. Theo quy định người vợ phải để tang chồng trong ba năm thì mới được lấy chồng khác. Truyện ban đầu kể về những phản ứng của bà góa, tức những dấu hiệu cho thấy việc tuân thủ theo lễ giáo nhưng sau đó dần dần biến chuyển thành đồng thuận với anh hàng xóm tên Tình. Dân gian dùng tiếng cười để bày tỏ sự ủng hộ, bày tỏ những quan điểm tiến bộ của mình. Không chỉ là chuyện của người trẻ, ngay cả bà góa đã luống tuổi, rằng không còn mà vẫn muốn có bạn. Truyện *Cấn răng mà chịu* kể rằng: Mẹ chồng và con dâu đều góa bụa. Mẹ dặn con dâu: “Số mẹ con mình rủi ro, thôi thì phải cắn răng mà chịu”. Mẹ chồng có tư tình, con dâu nhắc lời dạy ấy thì mẹ trả lời: “Mẹ dặn là dặn con chứ mẹ còn răng đâu nữa mà cắn” [7, tr.358]. Câu chuyện này gợi nhắc bài ca dao: “*Bà già đi chợ cầu Đông/Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?/Thầy bói xem quẻ nói rằng/Lợi thì có lợi, nhưng răng không còn*”. Truyện là thông điệp mạnh mẽ về quyền sống với những thú vui chính đáng của người phụ nữ - điều mà đã đang bị lễ giáo kìm nén, chôn vùi.

Như vậy, trái với những quy định hà khắc, bất nhân và cứng nhắc của lễ giáo phong kiến, qua truyện cười, dân gian thể hiện cái nhìn phóng khoáng về vấn đề tính dục. Điều này thể hiện qua việc đưa ra tiêu chí chọn bạn đời, qua chuyện ngoại tình của các bà vợ, qua chuyện chẵn gối của vợ chồng, qua chuyện tái giá,...

3. KẾT LUẬN

Như vậy, nhân vật nữ giới trong truyện cười dân gian thể hiện rõ nét qua ba chủ đề: cười chê những thói tật thông thường của nữ giới như ăn hàng, chanh chua, lười biếng; sự chủ động trong chuyện tính dục, tình dục và tạo được uy lực trước chồng. Tuy xuất hiện không nhiều nhưng nhân vật nữ giới cũng được dân gian miêu tả với rất nhiều cung bậc, sắc thái khác nhau. Điều đặc biệt là khác với các kiểu nhân vật khác, nhân vật nữ xuất hiện ở thể lưỡng tính, hai mặt. Một mặt dân gian nhắc nhớ nhân vật nữ về những khiếm khuyết thông thường, nhưng mặt khác - quan trọng hơn, dân gian cũng ngầm ủng hộ nhân vật nữ vì những quyền lợi chính đáng và mang tính nhân văn về quyền bình đẳng nam - nữ, về quyền sống với những nhu cầu xác thịt. Ở điểm này cho thấy giá trị, tính tiên phong của truyện cười trong dòng chảy văn học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Anh Tuấn (chủ biên) (2014), *Giáo trình văn học dân gian*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) (2004), *Từ điển thuật ngữ Văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Vũ Ngọc Khánh (1995), *Kho tàng truyện cười Việt Nam - tập 1*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
4. Trần Đình Nam chủ biên (2010), *Truyện cười dân gian Việt Nam - tập 1*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
5. Nguyễn Chí Bền chủ biên (2009), *Truyện cười - quyển 3*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Erica J. Peters (Trịnh Ngọc Minh dịch, Nguyễn Văn Sướng hiệu đính) (2023), *Khoái khẩu và khát vọng hay là câu chuyện đồ ăn thức uống trong trường thiên thế kỷ 19 ở Việt Nam*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
7. Nguyễn Chí Bền chủ biên (2014a), *Truyện cười dân gian người Việt - quyển 1*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
8. Tuoitre.vn (2005): “Tại sao phụ nữ nói nhiều?” <https://tuoitre.vn/tai-sao-phu-nu-noi-nhieu-76915.htm>.

9. Nguyễn Chí Bền chủ biên (2014c), *Truyện cười dân gian người Việt - quyển 3*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
10. Nguyễn Ngọc Nhuận chủ biên (2006), *Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam - tập I: từ thế kỷ XV đến XVIII*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
11. Phan Kế Bính (2022), *Việt Nam phong tục*, Nxb Văn học, Hà Nội.
12. Đào Duy Anh (1998), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Tổng hợp Đồng Tháp, Đồng Tháp.
13. Nguyễn Chí Bền (chủ biên) (2014b), *Truyện cười dân gian người Việt - quyển 2*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
14. Trương Chính và Phong Châu (1993), *Tiếng cười dân gian Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
15. Phan Cẩm Thượng (2017), *Tập tục đời người: Văn hóa tập tục của người nông dân Việt Nam thế kỷ 19 - 20*, Nxb Hội Nhà văn và Công ty văn hóa Nhã Nam ấn hành, Hà Nội.
16. Nguyễn Thị Bích Hà (2018), *Giáo trình văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
17. Nguyễn Thừa Hỷ (2020), *Việt Nam thế kỷ XVII - XIX (qua các nguồn tư liệu phương Tây)*, Nxb Khoa học Xã hội và MaiHaBooks.
18. Phạm Văn Hưng (2019), *Văn hóa tính dục ở Việt Nam thế kỷ X – XIX*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
19. Vũ Ngọc Khánh (2014), *Kho tàng truyện cười Việt Nam - tập 2*, Nxb Thời Đại, Hà Nội.
20. Đỗ Lai Thúy (1999), *Hồ Xuân Hương - Hoài niệm phồn thực*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

FEMALE CHARACTERS IN VIETNAMESE FOLK JOKES

Abstract: *Female characters do not appear much in folk jokes. Although it is small, it is very refined, very characteristic and has many different levels and nuances. Female characters in folk jokes are clearly shown through three themes: laughing at common female habits such as eating junk, sour lemons, and laziness; the initiative in sexual matters and creating power before her husband. Unlike other types of characters, female characters in folk jokes are two-faced. On the one hand, folk stories tell about common shortcomings, but on the other hand - more importantly, folk also implicitly support female characters for their legitimate and humane rights of equal rights for men and women. the right to live with fleshly needs. Through this, we see the pioneering nature of jokes in the literary flow. This group of jokes also shows the people's generous and supportive view of characters who suffer many injustices and disadvantages in feudal society.*

Keywords: *Female character, habits, sexuality, folk jokes, behavior.*